

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence



Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Khuong Dinh Ward, Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpavietnam.vn
www.cpavietnam.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 16 ngày 22/8/2018.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018, vốn điều lệ của Công ty là: 515.999.990.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi - Kinhbac Agriculture and Food Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Hanoi-Kinhbac Agrifood., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã chứng khoán HKB. Theo các quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu HKB hiện bị duy trì hạn chế giao dịch theo Quyết định số 298/QĐ-SGDHN ngày 01/04/2026 và đồng thời bị đưa vào diện cảnh báo theo Quyết định số 696/QĐ-SGDHN ngày 27/05/2026.

Địa chỉ Văn phòng giao dịch: Tầng 2 tòa A4, Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc trong kỳ và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Quang Lư	Chủ tịch
Ông Trương Danh Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2026)
Bà Nguyễn Phương Anh	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên độc lập
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Vân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên
Ông Phạm Anh Quân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Quang Lư	Tổng Giám đốc
Ông Trương Danh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2026)
Ông Ưông Huy Đông	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Dương Quang Lư
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Số: 193/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc được lập ngày 17 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, khoản tạm ứng của Ông Nguyễn Chí Đăng tại ngày 30/06/2026 là 4.034.402.737 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 4.034.402.737 đồng), phát sinh từ năm 2016. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về sự hiện hữu và khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này tại các thời điểm nêu trên. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục này hay không cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.7 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, giá gốc của hàng tồn kho bị thiếu so với thực tế kiểm kê lũy kế đến ngày 30/06/2026 là 1.776.806.381 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 1.776.806.381 đồng), Công ty chưa xác định được nguyên nhân thiếu hàng tồn kho và chưa có điều chỉnh phù hợp về giá trị hàng tồn kho bị thiếu nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp; do đó chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra kết luận về tính đúng đắn của giá trị hàng tồn kho bị thiếu này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang được trình bày theo giá gốc tại thời điểm 30/06/2026 là 462.000.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 462.000.000.000 đồng). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét nhưng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng tin cậy, hợp lý để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này, do đó chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho khoản mục này hay không cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty.

Như đã trình bày tại Mục 4 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30/06/2026, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 165.562.690.872 đồng, trong đó, nợ quá hạn phải trả là 83.861.754.670 đồng. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh riêng lỗ với số tiền là 6.426.959.927 đồng. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/06/2026 là 157.769.059.873 đồng. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục nhưng chúng tôi không thu thập được bằng chứng thích hợp về tính khả thi về kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc nhằm duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề khác

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty kiêm Tổng Giám đốc là chưa phù hợp với quy định về quản trị Công ty đại chúng.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1009-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+160)	100		13.168.914.258	12.953.575.160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	487.354.474	224.815.870
1. Tiền	111		487.354.474	224.815.870
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.752.509.862	11.799.709.368
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	78.018.853.927	78.018.853.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.047.093.531	2.337.093.531
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	10.250.687.762	10.007.887.268
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(79.246.767.358)	(79.246.767.358)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	137	5.6	682.642.000	682.642.000
III. Hàng tồn kho	140	5.7	23.000.000	23.000.000
1. Hàng tồn kho	141		1.799.806.381	1.799.806.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.776.806.381)	(1.776.806.381)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		906.049.922	906.049.922
1. Thuế GTGT được khấu trừ	162		906.049.922	906.049.922
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260+270)	200		549.888.373.485	552.752.054.229
I. Tài sản cố định	220		74.567.706.945	77.097.826.538
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	67.419.706.945	69.949.826.538
- Nguyên giá	222		112.897.797.385	112.897.797.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.478.090.440)	(42.947.970.847)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	7.148.000.000	7.148.000.000
- Nguyên giá	228		7.148.000.000	7.148.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		4.461.722.727	4.461.722.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.8	4.461.722.727	4.461.722.727
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.11	462.000.000.000	462.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		434.000.000.000	434.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		28.000.000.000	28.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	270		8.858.943.813	9.192.504.964
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.9	8.858.943.813	9.192.504.964
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		563.057.287.743	565.705.629.389

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 01a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		189.309.452.649	185.530.834.368
I. Nợ ngắn hạn	310		178.731.605.130	174.160.336.849
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	14.235.618.370	14.181.683.853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	4.769.870.295	5.166.422.295
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.16	155.830.468	166.109.370
4. Phải trả người lao động	315		3.282.218.255	3.599.413.255
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.17	71.792.939.393	66.551.579.727
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.18	226.168.679	226.168.679
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.13	84.091.754.670	84.091.754.670
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		177.205.000	177.205.000
II. Nợ dài hạn	330		10.577.847.519	11.370.497.519
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.13	10.577.847.519	11.370.497.519
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	373.747.835.094	380.174.795.021
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		515.999.990.000	515.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		515.999.990.000	515.999.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.516.904.967	15.516.904.967
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(157.769.059.873)	(151.342.099.946)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(151.342.099.946)	(138.396.744.958)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(6.426.959.927)	(12.945.354.988)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		563.057.287.743	565.705.629.389

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Kiểm Tổng Giám đốc


Trịnh Thị Diễm


Trịnh Thị Diễm


Dương Quang Lư



Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/06/2026 VND	kết thúc ngày 30/06/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.153.744.515	3.222.301.871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.153.744.515	3.222.301.871
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.937.406.762	1.931.802.532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.216.337.753	1.290.499.339
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	10.667	192.368
8. Chi phí tài chính	23	6.4	5.241.359.666	5.241.359.667
Trong đó: Chi phí đi vay	24		5.241.359.666	5.241.359.667
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.325.866.064	2.249.984.219
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		(6.350.877.310)	(6.200.652.179)
12. Thu nhập khác	31	6.6	204.527	27.213
13. Chi phí khác	32	6.6	76.287.144	98.298.092
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(76.082.617)	(98.270.879)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(6.426.959.927)	(6.298.923.058)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(6.426.959.927)	(6.298.923.058)

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026


Trịnh Thị Diễm



Dương Quang Lư

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 03a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.426.959.927)	(6.298.923.058)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.530.119.593	2.565.287.076
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	(192.368)
- Chi phí đi vay	06		5.241.359.666	5.241.359.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.344.519.332	1.507.531.317
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		47.199.506	(247.220.254)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(670.091.385)	120.095.959
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		333.561.151	292.092.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.055.188.604	1.672.499.829
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	192.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	192.368
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(792.650.000)	(1.195.229.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(792.650.000)	(1.195.229.925)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		262.538.604	477.462.272
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	224.815.870	185.289.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	487.354.474	662.751.716

Người lập biểu

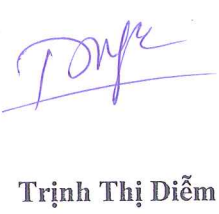
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT

kiểm Tổng Giám đốc


Trịnh Thị Diễm


Trịnh Thị Diễm


Đương Quang Lư

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018, vốn điều lệ của Công ty là: 515.999.990.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi - Kinhbac Agriculture and Food Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Hanoi-Kinhbac Agrifood., JSC.

Địa chỉ Văn phòng giao dịch: Tầng 2 tòa A4, Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã chứng khoán HKB. Theo các quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu HKB hiện bị duy trì hạn chế giao dịch theo Quyết định số 298/QĐ-SGDHN ngày 01/04/2026 và đồng thời bị đưa vào diện cảnh báo theo Quyết định số 696/QĐ-SGDHN ngày 27/05/2026.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 5 người (tại ngày 31/12/2025 là 6 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bán buôn gạo;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt, thủy sản, rau, quả, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hoà tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, trứng và sản phẩm từ trứng, dầu, mỡ động thực vật, hạt tiêu, gia vị khác, thức ăn cho động vật cảnh;
- Xay xát và sản xuất bột thô; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản); Khai thác muối;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
 - Bán buôn riêng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Bán buôn keo hóa học; - Bán buôn nhang, hương và các chế phẩm có mùi thơm khi đốt cháy; - Bán buôn phân bón;
 - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
 - Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
 - Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Sản xuất hoá chất cơ bản
 - Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá; - Môi giới thương mại;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
 - Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế; - Sản xuất hương các loại;
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác: hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác: bán buôn hạt, quả có dầu, sắn lát;
 - Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Các chế phẩm khác từ thóc;
 - Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
 - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
 - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác, Đá quý, bột thạch anh, mica;
 - Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)
 - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
 - Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
 - Đúc kim loại màu;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao./.
- Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh nông sản và cho thuê kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các Công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Trụ sở	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính	Thông tin khác
Công ty con sở hữu trực tiếp						
1	Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	88,89%	88,89%	Sản xuất, trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	Hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901023354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 01/12/2015. Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
2	Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	83,42%	83,42%	Sản xuất phân bón và hợp chất Ni-tơ	Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105740851, đăng ký lần đầu ngày 19/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ: 410.000.000.000 đồng
Công ty con sở hữu gián tiếp						
1	Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Hà Nội, Việt Nam	70,33%	83,33%	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307863126, đăng ký lần đầu ngày 31/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
Đơn vị trực thuộc						
1	Chi nhánh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam				

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Tiếp Theo)

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đây là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con, người sử dụng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2026, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 165.562.690.872 đồng, trong đó, nợ quá hạn là 83.861.754.670 đồng. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh riêng lỗ với số tiền là 6.426.959.927 đồng. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/06/2026 là 157.769.059.873 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục, bao gồm:

- Tìm kiếm đối tác để hợp tác (thuê mái nhà kho) để làm dự án điện mặt trời áp mái tại 2 kho có địa chỉ thửa đất Lô 1.5.2 KCN Nhon Hòa thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 19.968 m², thời gian sử dụng đến 17/07/2059; Lô 2.5.1 KCN Nhon Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 15.505,34 m², thời gian sử dụng đến 17/07/2059.
- Tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước để triển khai dự án điện năng lượng mặt trời trên một phần diện tích 546 ha đất tại tiểu khu 228 xã Ea Bung, huyện Ea Sup, tỉnh Đắk Lắk và dự án trồng rừng kết hợp nông lâm.
- Đàm phán gia hạn thanh toán các khoản công nợ vay cá nhân.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 15

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 23 đến 38 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải trả gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước theo hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nông sản, cho thuê kho và trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	276.075.498	12.564.232
Tiền gửi không kỳ hạn	211.278.976	212.251.638
Cộng	487.354.474	224.815.870

(i) Chi tiết tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn:

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	195.342.751	195.342.751
Đối tượng khác	15.936.225	16.908.887
Cộng	211.278.976	212.251.638

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	78.018.853.927	(77.514.837.827)	78.018.853.927	(77.514.837.827)
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	54.001.229.781	(54.001.229.781)	54.001.229.781	(54.001.229.781)
Công ty TNHH đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000	(20.079.000.000)	20.079.000.000	(20.079.000.000)
Các đối tượng khác	3.938.624.146	(3.434.608.046)	3.938.624.146	(3.434.608.046)
Cộng	78.018.853.927	(77.514.837.827)	78.018.853.927	(77.514.837.827)
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>470.016.100</i>		<i>470.016.100</i>	

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	2.047.093.531	(1.731.929.531)	2.337.093.531	(1.731.929.531)
Công ty CP Sapa Thale Holding	900.000.000	(900.000.000)	900.000.000	(900.000.000)
Công ty CP ĐTSX và KDTM Hoàng Dũng	599.400.000	(599.400.000)	599.400.000	(599.400.000)
Công ty CP Xây dựng số 9 DNTT Phước Toàn	122.930.435	(122.930.435)	122.930.435	(122.930.435)
Đối tượng khác	315.164.000	-	605.164.000	-
Cộng	2.047.093.531	(1.731.929.531)	2.337.093.531	(1.731.929.531)

5.4 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	10.250.687.762	-	10.007.887.268	-
- Tạm ứng (*)	4.618.090.767	-	4.618.090.767	-
- Các khoản phải thu khác	5.632.596.995	-	5.389.796.501	-
Cộng	10.250.687.762	-	10.007.887.268	-
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>5.566.335.709</i>		<i>5.323.535.215</i>	

(*) Trong đó, có số dư khoản tạm ứng của ông Nguyễn Chí Đặng trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là 4.034.402.737 đồng, phát sinh từ 2016 chưa được hoàn ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.5 Nợ xấu

30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
Giá trị nợ gốc	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	Trên 3 năm	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Hưng Thịnh An	Trên 3 năm	-	-
Công ty TNHH Bích Hồng	Trên 3 năm	-	-
Công ty TNHH Lê Hoàng Minh	Trên 3 năm	-	-
Hộ kinh doanh Ngọc Phương Nam	Trên 3 năm	-	-
Trả trước cho người bán			
Công ty CP ĐTSX và KDTM Hoàng Dũng	Trên 3 năm	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Phước Toàn	Trên 3 năm	-	-
Công ty cổ phần Sapa Thale Holding	Trên 3 năm	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Trên 3 năm	-	-
Cộng		-	-
77.514.837.827		77.514.837.827	
54.001.229.781		54.001.229.781	
20.079.000.000		20.079.000.000	
3.090.492.400		3.090.492.400	
281.115.646		281.115.646	
63.000.000		63.000.000	
1.731.929.531		1.731.929.531	
599.400.000		599.400.000	
109.599.096		109.599.096	
900.000.000		900.000.000	
122.930.435		122.930.435	
79.246.767.358		79.246.767.358	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2026		01/01/2026	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	1	682.642.000	1	682.642.000
Cộng	1	682.642.000	1	682.642.000

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	942.091.261	(942.091.261)	942.091.261	(942.091.261)
Công cụ, dụng cụ	23.000.000	-	23.000.000	-
Sản phẩm	8.565.242	(8.565.242)	8.565.242	(8.565.242)
Hàng hóa	826.149.878	(826.149.878)	826.149.878	(826.149.878)
Cộng	1.799.806.381	(1.776.806.381)	1.799.806.381	(1.776.806.381)

Giá trị hàng tồn kho theo kiểm kê thực tế tại ngày 30/06/2026 là 23.000.000 đồng, giá trị hàng tồn kho không có trong kiểm kê tại ngày 30/06/2026 là 1.776.806.381 đồng. Công ty chưa xác định được nguyên nhân thiếu hàng tồn kho trên.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dây chuyền sản xuất tiêu (*)	4.461.722.727		4.461.722.727	
Cộng	4.461.722.727		4.461.722.727	

(*) Tại ngày 30/06/2026, Công ty đã tạm ngừng đầu tư dự án và chưa có kế hoạch tiếp tục triển khai. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của khoản mục này.

5.9 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Dài hạn	8.858.943.813	9.192.504.964
Tiền thuê đất (*)	8.739.758.473	8.876.763.961
Chi phí sửa chữa hệ thống bơm chữa cháy lô D2,5,1	-	56.924.677
Chi phí chờ phân bổ khác	119.185.340	258.816.326
Cộng	8.858.943.813	9.192.504.964

(*) Gồm 2 thửa đất: Thửa đất Lô 1.5.2 KCN Nhơn Hòa thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 19.968 m², thời gian sử dụng đến 17/07/2059 và thửa đất Lô 2.5.1 KCN Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 15.505,34 m², thời gian sử dụng đến 17/07/2059.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2026	7.148.000.000	7.148.000.000
Số dư tại 30/06/2026	7.148.000.000	7.148.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2026	-	-
Số dư tại 30/06/2026	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2026	7.148.000.000	7.148.000.000
Tại 30/06/2026	7.148.000.000	7.148.000.000

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, bản đồ số 26, địa chỉ: Làng Rìng 2, xã H'Âông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, diện tích 28.413,8 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 787937, đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay Ông Phạm Anh Tuấn.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay Ông Phạm Anh Tuấn tại ngày 30/06/2026: 7.148.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2025: 7.148.000.000 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
a) Đầu tư vào Công ty con						
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam (i)	434.000.000.000			434.000.000.000		
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai (ii)	354.000.000.000			354.000.000.000		
	80.000.000.000			80.000.000.000		
b) Đầu tư vào đơn vị khác	28.000.000.000			28.000.000.000		
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường	28.000.000.000			28.000.000.000		
Cộng	462.000.000.000			462.000.000.000		

Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn vào hai Công ty con gồm:

- (i) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam với số tiền 354.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 83,42% Vốn Điều lệ Công ty con);
- (ii) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai với số tiền 80.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 88,89% Vốn Điều lệ Công ty con);

Cụ thể:

- Năm 2016, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam dùng để mua 410 tỷ đồng để mua 3.416.666 cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng với giá mua 120.000 đồng/Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần và chiếm 68,33% vốn điều lệ.
- Năm 2016 Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai dùng toàn bộ số vốn điều lệ 90 tỷ đồng để mua 750.000 cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng với giá mua 120.000 đồng/Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần và chiếm 15,00% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng có vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Công ty thực hiện tạm ứng bằng tiền mặt cho Ông Phạm Thanh Bình - Nguyên Giám đốc Công ty theo Phiếu chỉ số PC00011 ngày 01/12/2016 số tiền 47.634.000.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2026, khoản mục tạm ứng trên chưa được hoàn nhập với giá trị 47.584.000.000 đồng.
- Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, với các thông tin hiện có Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản đầu tư nêu trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2026	98.548.988.591	7.602.169.934	3.746.829.814	116.320.000	2.883.489.046	112.897.797.385
Số dư tại 30/06/2026	98.548.988.591	7.602.169.934	3.746.829.814	116.320.000	2.883.489.046	112.897.797.385
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2026	33.113.755.239	4.547.226.098	2.882.894.224	116.320.000	2.287.775.286	42.947.970.847
Khấu hao trong kỳ	2.121.128.274	251.053.812	61.821.203	-	96.116.304	2.530.119.593
Số dư tại 30/06/2026	35.234.883.513	4.798.279.910	2.944.715.427	116.320.000	2.383.891.590	45.478.090.440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2026	65.435.233.352	3.054.943.836	863.935.590	-	595.713.760	69.949.826.538
Tại 30/06/2026	63.314.105.078	2.803.890.024	802.114.387	-	499.597.456	67.419.706.945

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2026: 66.318.229.804 đồng (Tại ngày 31/12/2025: 68.817.301.395 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026: 3.321.204.181 đồng (Tại ngày 31/12/2025: 2.611.795.090 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại 30/06/2026:

Tài sản	Nguyên giá tại 30/06/2026	Giá trị hao mòn lũy kế tại 30/06/2026	Giá trị còn lại tại 30/06/2026
Nhà cửa, vật kiến trúc	98.548.988.591	35.234.883.513	63.314.105.078
Kho chứa nông sản Quy Nhơn	39.691.047.650	16.670.239.993	23.020.807.657
Nâng cấp kho chứa hàng số 1.2.3 Gia Lai	11.048.827.858	6.859.480.666	4.189.347.192
Kho chứa nông sản Quy Nhơn Lô D1,5,2	33.880.202.299	3.726.822.264	30.153.380.035
Các tài sản còn lại	13.928.910.784	7.978.340.590	5.950.570.194
Máy móc, thiết bị	7.602.169.934	4.798.279.910	2.803.890.024
Hệ thống thiết bị sấy ngô dạng tháp	2.722.222.220	1.905.555.582	816.666.638
Các tài sản còn lại	4.879.947.714	2.892.724.328	1.987.223.386
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.746.829.814	2.944.715.427	802.114.387
Trạm điện 630KVA-35/0.4KV QN	1.070.506.260	1.070.506.260	-
Các tài sản còn lại	2.676.323.554	1.874.209.167	802.114.387
Thiết bị dụng cụ quản lý	116.320.000	116.320.000	-
Sofa đá 470	41.013.000	41.013.000	-
Các tài sản còn lại	75.307.000	75.307.000	-
TSCĐ hữu hình khác	2.883.489.046	2.383.891.590	499.597.456
Các tài sản còn lại	2.883.489.046	2.383.891.590	499.597.456
Cộng	112.897.797.385	45.478.090.440	67.419.706.945

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi,
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2026
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn				
Ông Phạm Anh Tuấn (i)	84.091.754.670	-	-	84.091.754.670
Bà Nguyễn Thị Huyền	83.861.754.670	-	-	83.861.754.670
Ông Tăng Tuấn Cường	20.000.000	-	-	20.000.000
Bà Bùi Thùy Anh	200.000.000	-	-	200.000.000
	10.000.000	-	-	10.000.000
b) Vay dài hạn	10.577.847.519	-	792.650.000	11.370.497.519
Ông Dương Quang Lư (ii)	10.577.847.519	-	792.650.000	11.370.497.519
Cộng	94.669.602.189	-	792.650.000	95.462.252.189

Trong đó:

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

10.577.847.519

792.650.000

11.370.497.519

(i) Hợp đồng vay kiểm bảo đảm tài sản có lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay đến 04/04/2018.

(ii) Hợp đồng vay tiền số 26.04/ĐHVVCN/HKB-DL/2021 ngày 26/04/2021 của Ông Dương Quang Lư, lãi suất 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
 Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.14 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	14.235.618.370	14.181.683.853
Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa	3.212.223.772	3.205.574.855
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và XNK Tổng Hợp	1.701.200.000	1.701.200.000
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí xây dựng Minh Thuận	2.118.705.600	2.118.705.600
Công ty CP cơ khí và xây dựng Quang Trung	1.823.809.250	1.823.809.250
Ông Ngô Đăng Tuấn	1.320.000.000	1.320.000.000
Đối tượng khác	4.059.679.748	4.012.394.148
Cộng	14.235.618.370	14.181.683.853

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	4.769.870.295	5.166.422.295
Jameel International	1.209.778.431	1.209.778.431
Saud Sroor Jaber Business Eagent Kuwait	511.018.469	511.018.469
M/S, Karm Allouz Trading Est	467.014.395	467.014.395
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Trung Nhân	451.070.316	451.070.316
Đối tượng khác	2.130.988.684	2.527.540.684
Cộng	4.769.870.295	5.166.422.295

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2026
Phải nộp	166.109.370	281.420.965	291.699.867	155.830.468
Ngắn hạn	166.109.370	281.420.965	291.699.867	155.830.468
Thuế giá trị gia tăng	164.998.259	281.420.965	291.699.867	154.719.357
Thuế thu nhập cá nhân	1.111.111	-	-	1.111.111

5.17 Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	71.792.939.393	66.551.579.727
Chi phí lãi vay phải trả	71.792.939.393	66.551.579.727
Cộng	71.792.939.393	66.551.579.727

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.18 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	226.168.679	226.168.679
Bảo hiểm xã hội	155.150.010	155.150.010
Bảo hiểm y tế	27.328.842	27.328.842
Bảo hiểm thất nghiệp	12.136.105	12.136.105
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.553.722	31.553.722
Cộng	226.168.679	226.168.679

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	515.999.990.000	15.516.904.967	(138.396.744.958)	393.120.150.009
Lỗi trong năm trước	-	-	(12.945.354.988)	(12.945.354.988)
Số dư tại 01/01/2026	515.999.990.000	15.516.904.967	(151.342.099.946)	380.174.795.021
Lỗi trong kỳ này	-	-	(6.426.959.927)	(6.426.959.927)
Số dư tại 30/06/2026	515.999.990.000	15.516.904.967	(157.769.059.873)	373.747.835.094

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ông Dương Quang Lu	95.460.000.000	95.460.000.000
Các cổ đông khác	420.539.990.000	420.539.990.000
Cộng	515.999.990.000	515.999.990.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	515.999.990.000	515.999.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	515.999.990.000	515.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
 Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.599.999	51.599.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.599.999	51.599.999
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.599.999	51.599.999
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.153.744.515	3.222.301.871
Cộng	3.153.744.515	3.222.301.871

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.937.406.762	1.931.802.532
Cộng	1.937.406.762	1.931.802.532

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.667	192.368
Cộng	10.667	192.368

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí đi vay	5.241.359.666	5.241.359.667
Cộng	5.241.359.666	5.241.359.667

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.325.866.064	2.249.984.219
Chi phí nhân viên quản lý	611.885.000	769.477.650
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.851.320	353.782.807
Chi phí khấu hao TSCĐ	279.360.347	633.484.544
Thuế phí và lệ phí	-	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.416.769.397	487.239.218
Cộng	2.325.866.064	2.249.984.219

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	204.527	27.213
Cộng	204.527	27.213
Chi phí khác		
Chi phí khác	76.287.144	98.298.092
Cộng	76.287.144	98.298.092
Lợi nhuận khác	(76.082.617)	(98.270.879)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.426.959.927)	(6.298.923.058)
Các khoản điều chỉnh tăng	76.287.144	98.298.092
<i>Chi phí không được trừ</i>	76.287.144	98.298.092
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	(6.350.672.783)	(6.200.624.966)
Thuế suất hiện hành	17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nhân công	611.885.000	769.477.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.530.119.593	2.565.287.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.103.416.913	32.838.119
Chi phí khác bằng tiền	17.851.320	814.183.906
Cộng	4.263.272.826	4.181.786.751

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Công ty con
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Công ty con sở hữu gián tiếp
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát		Thù lao, lương	36.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc		Lương	144.000.000	85.150.000
Ông Dương Quang Lư	Tổng Giám đốc		144.000.000	85.150.000
Cộng			180.000.000	85.150.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Trả nợ vay			792.650.000	1.195.229.925
Ông Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT	Trả nợ vay	792.650.000	1.195.229.925

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			470,016,100	470,016,100
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	470,016,100	470,016,100
Phải thu ngắn hạn khác			5,566,335,709	5,323,535,215
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Công ty con	Phải thu khác	93,702,000	93,702,000
Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Công ty con	Phải thu khác	5,444,287,783	5,201,487,289
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Công ty con	Phải thu khác	28,345,926	28,345,926
Vay dài hạn			10,577,847,519	11,370,497,519
Ông Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT	Vay nợ	10,577,847,519	11,370,497,519

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City,
Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu


Trịnh Thị Diễm

Kế toán trưởng


Trịnh Thị Diễm

Chủ tịch HĐQT
Kiểm - Tổng Giám đốc



Dương Quang Lư





Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org